UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MN XÃ THANH CHĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 158 /KH-MNXTC

Thanh Chăn, ngày 29 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định Ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 51/20220/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ vào số 151/QN-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2024 quyết nghị về việc phê duyệt ban hành chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 của trường mầm non xã Thanh Chăn;

Trường mầm non xã Thanh Chăn xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung:

- Năm học 2024-2025 trường có tổng số lớp là 12 lớp với 313 trẻ, trong đó: Nhóm nhà trẻ: 5 nhóm với 95 trẻ; Mẫu giáo: 7 lớp với 218 trẻ; Lớp có học sinh 5 tuổi: 3 lớp 84 trẻ.

- Cơ sở vật chất: Nhà trường có: 12 phòng học trong đó phòng học kiên cố: 9 phòng, bán kiên cố: 3 phòng, có đầy đủ các phòng chức năng, phòng làm việc kiên cố cho cô và trẻ hoạt động, có đủ sân chơi, hệ thống nước sạch, bếp ăn, công trình vệ sinh, đồ dùng trang thiết cho cô và trẻ đảm bảo theo đúng trường chuẩn quốc gia mức độ II quy định.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Cơ sở vật chất tương đối khang trang, có môi trường xanh - sạch - đẹp-an toàn trong và ngoài lớp học

- Trường có đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho công tác bán trú, bếp ăn đảm bảo quy cách, sạch sẽ, thoáng mát.

+ Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành. Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải. Bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường.

+ Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

- Trường được công nhận lại cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào tháng 12 năm 2019. Trường luôn là địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh xã Thanh Chăn.

2.2. Khó khăn

- Chất lượng đội ngũ chưa thực sự đồng đều, một số giáo viên nhều tuổi không kinh nghiệm trong việc ứng dụng các phương pháp tiên tiến các nước vào trong giảng dạy để khai thác phát triển năng lực trên trẻ.

- Hệ thống mãi nhà khu một tầng xây dựng đã lâu nên xuống cấp.

II. NHỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác nuôi dưỡng

a. Nhiệm vụ

- 100% số trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường. Đảm bảo vệ sinh ATTP. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn. Đảm bảo mức ăn là 18.500 đ/cháu /ngày. Tổ chức ăn 1 bữa chính, 1 bữa phụ với mẫu giáo, 2 bữa phụ với nhà trẻ.

- Đảm bảo năng lượng cal đạt: 600- 651 cal/ngày/cháu nhà trẻ.

615- 726 cal/ngày/cháu mẫu giáo.

- 100% giáo viên thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc bữa ăn cho trẻ.

- 100% trẻ ăn đúng thực đơn theo ngày, ăn hết xuất.

- 100% giáo viên tham dự các lớp tập huấn do Phòng, Sở tổ chức.

- 100% nhóm lớp có góc tuyên truyền về các nội dung CSGD ở trường.

- 100% nhân viên nuôi dưỡng được khám sức khỏe, có kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, có kỹ năng thực hiện quy trình bếp ăn một chiều, kỹ năng thực hành vệ sinh; chế biến món ăn phù hợp với trẻ.

- Tăng cường cơ sở vật chất, đồ dùng đảm bảo phục vụ bán trú

b. Giải pháp

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú tại trường cho trẻ, thỏa thuận, thống nhất với các phụ huynh duy trì mức ăn bán trú tại trường 18.500 đ/ngày gồm 1 bữa chính, 02 bữa phụ đảm bảo đầy đủ nhu cầu năng lượng 1 ngày của trẻ ở trường mầm non theo quy định của Bộ giáo

dục. Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định

Tổ chức chuyên đề hướng dẫn vệ sinh, tổ chức ăn, ngủ cho giáo viên, nhân viên thực hiện khoa học, sáng tạo.

Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm: Đầu năm học nhà trường tổ chức ký hợp đồng thực phẩm với các cơ sở cung cấp có giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, có bản cam kết tuân thủ các nguyên tắc theo khuyến cáo của Bộ y tế, đồ dùng dụng cụ nấu ăn đảm bảo luôn sạch sẽ, bát thìa của trẻ được sấy tiệt trùng trước khi sử dụng ...Tuyệt đối không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường MN.

2. Công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ

a. Nhiệm vụ

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.
- 100 % trẻ được khám, theo dõi biểu đồ sức khỏe theo quy định
- 100% các cháu được rửa mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và sát khuẩn tay sau các hoạt động theo kế hoạch truyền thông "Tay sạch của em". Trẻ có thói quen tốt, thực hiện có nề nếp.
- 100% nhóm trẻ có nhà vệ sinh phù hợp, an toàn và sạch sẽ.
- 100% nhóm trẻ phải có đủ nước sạch, nước ấm về mùa đông để thực hiện vệ sinh.
- 100% trẻ được ngủ đúng giờ, đủ giấc, phòng ngủ sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ đồ dùng phục vụ giờ ngủ của trẻ như giường, gối, chăn, đệm.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát tại đơn vị. Nâng cao nhận thức CBGVNVvề tầm quan trọng của công tác nuôi dưỡng cũng như chất lượng bữa ăn của trẻ đảm bảo hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn tại đơn vị.

b. Giải pháp

- Phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã triển khai các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em, bảo đảm trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng
- Tăng cường giám sát lịch vệ sinh hàng ngày, tuần, tháng theo quy định.
- Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, khắc phục những yếu tố nguy cơ gây mất

an toàn để báo cáo BGH nhà trường kịp thời xử lý nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại trường, lớp.

Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và năng lực của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên về công tác y tế trường học, kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm. Tăng cường tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì.

3. Mục tiêu và nội dung giáo dục năm học 2024-2025

* Kế hoạch khối nhà trẻ 25-36 tháng

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a.Chiều cao cân nặng				
1	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Cân nặng của trẻ + Trẻ trai đạt:11,6-17,7kg + Trẻ gái đạt:11,1-17,2 kg Chiều cao của trẻ + Trẻ trai đạt:89,4-103,6-87,7cm + Trẻ gái đạt:88,4-102,7 cm	9	
b.Phát triển vận động				
2	- Trẻ có khả năng thực hiện được các động tác trong bài thể dục hô hấp, tay, chân, lưng, bụng lườn.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra: thổi bóng, gà trống gáy, thổi nơ, còi tàu... - Tay: + Hai tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa ra phía trước - đưa về phía sau + Đưa sang ngang, hạ xuống + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau + Đưa bóng lên cao + Gà vỗ cánh + Tập với gậy (vòng): Hai tay cầm gậy đưa lên cao rồi hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang phải trái + Vặn người sang 2 bên + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau + Cầm bóng lên	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	

		+ Gà mổ thóc + Đưa gậy (vòng) sang trái, sang phải - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân + Bóng nẩy + Gà bới đất + Đặt gậy (vòng) xuống đất rồi nhặt lên		
3	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động đứng, đi/chạy, bước thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô: đứng co 1 chân, đi trong đường hẹp có bê vật trên tay, chạy đổi hướng, bước lên xuống bậc…	+ Đi theo hiệu lệnh + Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Đi bước qua gậy kê cao + Đi kết hợp với chạy + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Đứng co 1 chân + Chạy theo hướng thẳng + Chạy đổi hướng + Bước lên xuống bậc cao 10- 15cm + Bước lên xuống bậc có tay vịn	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
4	- Trẻ có thể phối hợp vận động tay- mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, tung bóng qua dây, tung bóng bằng 2 tay ném vào đích xa 1 - 1,2m, ném bóng về phía trước.	+ Tung bóng bằng hai tay + Tung bóng qua dây + Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1m + Ném bóng về trước + Ném vào đích xa 1 - 1.2m	1, 3, 4, 5,6, 7,8, 9	
5	- Trẻ có thể phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò/trườn để giữ được vật đặt trên lưng, theo hướng thẳng, theo đường hẹp, qua vật cản, qua cổng…	+ Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò qua vật cản + Bò theo đường ngoằn ngoèo (dích dắc) + Trườn qua vật cản + Trườn chui qua cổng	1,2, 3, 4, 5, 6, 7,8,9	
6	- Trẻ có khả năng thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật, ném, đá bóng: Ném xa bằng 1 tay, đá bóng lên phía trước, bật tại chỗ, về phía trước...	+ Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa bằng 2 chân + Bật qua vạch kẻ + Ném xa bằng 1 tay + Đá bóng lên phía trước	2, 4, 5,6,7, 8,9	
7	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo", lật mở trang sách.	+ Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau + Hai tay làm động tác rót, khuấy + Hai tay nhào, đảo cát, đất nặn... + Hai tay vò xé giấy, lá khô, túi bóng... + Đóng cọc bàn gỗ. + Nhón nhặt đồ vật. + Xâu, luồn dây hoa, quả, con vật, vòng cổ, vòng tay... + Hai tay cài, cởi cúc + Buộc dây áo, dây giầy, dây gói	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
8	- Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vò xé giấy…,cầm, nhón, đóng, chắp ghép,			

	chồng….	bánh... + Chắp ghép hình + Chồng, xếp 6 - 8 khối. + Tập cầm bút tô, vẽ. + Lật mở trang sách.		
b. Dinh dưỡng và sức khỏe.				
9	- Trẻ có khả năng thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau: Cá, thịt, rau, canh… + Trẻ có một số nề nếp/nhu cầu trong ăn uống: Rửa tay trước khi ăn, nói với người lớn khi có nhu cầu ăn uống	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau của địa phương: cá, thịt lợn, thịt bò, rau, canh.... - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: rửa tay trước khi ăn, ăn không khóc, không nói chuyện, tự xúc cơm, không làm rơi cơm trong ăn uống... - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống.	1, 2, 4, 9	
10	- Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa 140-150 phút. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ	1,5, 9	
11	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, nói với người lớn khi có nhu cầu.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh	5, 8	
12	- Trẻ có thể làm được một số việc tự phục vụ, chăm sóc bản thân với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, cầm thìa xúc ăn, lấy ghế, ngồi vào bàn ăn, lấy gối đi ngủ, đi vệ sinh...).	- Tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + đi dép, đi vệ sinh + Chuẩn bị chỗ ngủ: lấy gối. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn; + lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn + vứt rác đúng nơi quy định - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	2, 3, 5, 6, 7, 8, 9	
13	- Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Đội mũ khi ra nắng, *biết nắng làm mình bị ốm* - Đi giày dép - *Nhận ra sự thay đổi của thời tiết*. Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	4, 5, 9	
14	- Trẻ biết tránh vật dụng , nơi nguy hiểm: (phích nước nóng, bếp đang đun, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: dao, kéo, vật sắc nhọn... - Nhận biết những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần: bếp đang đun, giếng, ao, mương, suối, cầu ...	3, 6	
15	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ..) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh; trèo lan can, trèo cây, trèo bàn ghế.... chơi nghịch các vật sắc nhọn ..)	7	

2. Phát triển nhận thức				
16	- Trẻ có thể sờ nắn, nhìn, nghe , ngửi, nếm để nhận biết được đặc điểm nổi bật của đối tượng: Nghe tiếng kêu của một số con vật , nhìn; sờ, nếm, ngửi quả, nếm thức ăn…	Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh to nhỏ, nhanh chậm của một số đồ vật: xắc xô, trống, loa, ti vi, điện thoại. Tiếng kêu của một số con vật quen thuộc: chó, mèo, vit... - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, mầu sắc hình dạng (to nhỏ, trên dưới) mùi vị ...của đồ vật, hoa, quả quen thuộc: bàn ghế, quả chuối, cam... - Nếm vị của một số thức ăn: canh, món xào, món luộc (mặn chua).., quả (ngọt chua).. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
17	- Nghe được âm thanh to - nhỏ để nhận biết đồ vật quen thuộc.			
18	- Trẻ có thể chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc:	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân bạn trai: bóng, ô tô.., bạn gái; búp bê, nấu ăn.. - Đồ chơi, đồ dùng của nhóm lớp mẫu giáo	3, 4, 9	
19	- Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	– Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân bạn trai, bạn gái. – Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. – Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	1, 2,3, 4	
20	- Trẻ có thể nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	2	
21	– - Trẻ có thể nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng, đồ chơi. Một số phương tiện giao thông quen thuộc , hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quen thuộc. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa quen thuộc - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của quả quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, công nông....	5, 6, 7,8	
22	- Trẻ chỉ/nói tên Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian hoặc lấy hoặc cất đồ dùng đồ chơi, khối	- Nhận biết màu đỏ, xanh, vàng -Tìm đồ vật vừa mới cất dấu – Màu đỏ, vàng, xanh. – Kích thước to - nhỏ. – Hình tròn, hình vuông. – Vị trí trong không gian (trên - dưới,	3, 5, 7, 8, 9	

	vuông, tam giác, chữ nhật màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	trước - sau) so với bản thân trẻ. Số lượng một - nhiều.		
23	- Trẻ có khả năng chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi, khối vuông, khối tam giác, khối chữ nhật có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	+ Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên - dưới - trước - sau) so với bản thân trẻ - Số lượng 1 và nhiều	2,4,9	
3. Phát triển ngôn ngữ				
24	- Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!"	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau -Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	1, 3, 5, 7	
25	- Trẻ có thể trả lời các câu hỏi: "Ai đây?", "Cái gì đây?", "…làm gì ?", "….thế nào ?" (ví dụ: con gà gáy thế nào?.....).	- Nghe các câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Để làm gì?; Ở đâu?; Như thế nào?. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?; Làm gì?; Ở đâu?; Thế nào?; Để làm gì?; Tại sao?...	4, 6, 8	
26	- Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có sự gợi ý từ cô giáo - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
27	- Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Trẻ phát âm rõ các tiếng - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
28	- Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.			
29	- Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài	8, 9	
30	- Trẻ có khả năng sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "cái gì đây?"….	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "cái gì đây?"…. + Chào hỏi, trò chuyện với cô, với bạn, với người thân. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân.	1, 2, 3, 6, 7	
31	- Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	7, 9	

4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mĩ				
32	- Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân bạn trai: tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: tóc dài buộc nơ, mặc váy.	2	
33	Thể hiện điều mình thích và không thích	- Nhận biết đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình	2, 3, 9	
34	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh bạn bè, cô giáo, gia đình..	1, 9	
35	- Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	2, 7, 8	
36	- Trẻ có thể biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ			
37	- Trẻ có thể biểu lộ mối quan hệ tích cực, thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi; bắt chước tiếng kêu, gọi	- Quan tâm đến các vật nuôi gần gũi, gọi tên, bắt chước tiếng kêu: Con mèo, còn gà, con chó...	5	
38	- Trẻ có thể thực nhiện hành vi văn hóa giao tiếp: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, dạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ", "vâng ạ", chơi cạnh bạn không cấu bạn	1	
39	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, nghe điện thoại...)	– Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi qua việc chơi thao tác vai (bế em, cho em ăn, nấu cho em ăn, nghe điện thoại...	1, 3, 7	
40	- Trẻ có thể chơi thân thiện cạnh trẻ khác	– Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn, không cào cấu bạn	2, 3	
41	- Trẻ có thể thực hiện một số yêu cầu của người lớn	– Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. – Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định, ăn xong cất bát vào rổ, vứt rác vào thùng rác...	4, 5, 8, 9	
42	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	– Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau - Nghe âm thanh của các nhạc cụ: xắc xô, phách tre, mõ, trống, đàn ócgoc ... - Nghe âm thanh trong thiên nhiên: tiếng nước chảy " róc rách", tiếng mưa rơi "í tách"... - Nghe làn điệu dân ca của địa phương, những bài hát ru... - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.	
43	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn , xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	–Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc - Nặn (xoay tròn, lăn dọc) - Xé giấy vụn, vò giấy	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	

		- Xếp hình từ các khối gỗ. - Xem tranh, ảnh		

* Kế hoạch khối mẫu giáo 3-4 tuổi

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
1. Chiều cao cân nặng				
1	Trẻ khỏe mạnh cận nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: đạt 12,7 – 21,2 kg + Trẻ gái: đạt 12,3 – 21,5 kg. - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: đạt 94,9 – 111,7 cm. + Trẻ gái: đạt 94,1 – 111,3 cm	9	
2. Phát triển vận động				
2	- Trẻ thực hiện đủ các động tác (hô hấp, tay, Lưng, bụng, lườn, chân) trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào thở ra, Gà gáy, thổi nơ bay, thổi bóng.... - Tay: + Gà vỗ cánh. + Tay thay nhau đưa ra trước, ra sau. + Tay cầm gậy (Bóng, vòng): Đưa gậy lên cao, hạ xuống ngang ngực. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên, hạ xuống. + Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao, hạ xuống. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực đưa lên cao, hạ xuống. + Co và duỗi tay hạ xuống. + Hai tay đưa trước, bắt chéo 2 tay trước ngực, hạ xuống + Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau. + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Gà mổ thóc. + Ngồi xổm đứng lên. + 2 tay cầm gậy (bóng ,vòng) nghiêng người sang trái, nghiêng người sang phải. + Cúi xuống đặt gậy (bóng ,vòng) xuống đất, đứng thẳng lên vỗ tay 3 cái. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Đứng cúi người về trước ngả người ra sau.	1,2,3,4,5 6,7,8,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
		+ Đứng nghiêng người sang bên kết hợp tay đưa cao. + Đứng nghiêng người sang bên kết hợp tay đặt sau gáy. - Chân: + Gà tìm giun. + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Từng chân đưa lên phía trước, ra sau, sang ngang. + Ngồi xổm, đứng lên + Đứng khụy gối + Bật tại chỗ. + Gà bay + Bật tách - chụm chân tại chỗ + Bật lên trước, lùi lại, sang bên + Đứng nâng cao chân gập gối + Co duỗi chân		
3	- Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi kiễng gót liên tục 3m	+ Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát + Đi kiễng gót liên tục 3m	1,2,4,9	
4	- Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động khi: + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. + Đi/chạy liên tục trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc không chệch ra ngoài).	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.	3,5,6,7	
5	- Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động: + Tung, lăn, bắt bóng với cô, bắt được 3 lần liền không rơi bóng(Khoảng cách 2,5cm). Chuyền bóng 2 bên. + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18 cm).	+ Tung bóng cho cô + Bắt và tung bóng với cô bằng hai tay + Đập bắt bóng với cô. + Đập bắt bóng tại chỗ (3 lần liền) + Chuyền bóng 2 bên theo hàng ngang + Chuyền bóng 2 bên theo hàng dọc. + Lăn bóng với cô.	1,3,4,5,6, 7,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
6	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy, ném, bò, trườn, bật, bước + Chạy được liên tục 12-15m theo hướng thẳng. Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc, qua cổng, đường hẹp… Bật tại chỗ, bật xa, bước lên xuống bục cao 30-40cm + Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m). Ném xa bằng 1,2 tay.	+ Chạy được liên tục 12 - 15m theo hướng thẳng + Ném trúng đích ngang bằng 1 tay. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Bò theo hướng thẳng. + Trườn theo hướng thẳng. + Bò theo đường dích dắc. + Bò thấp chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp + Trườn chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Trườn theo đường dích dắc + Bật tiến về phía trước. + Bật tại chỗ. + Bật xa 20- 25cm.) + Bước lên bật xuống bục cao 30cm	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
7	- Trẻ biết thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay. + Gập, đan ngón tay vào nhau. + Cuộn, quay, tết, đan	- Xoay tròn cổ tay vào nhau - Quay ngón tay, cổ tay. - Cuộn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau - Đan nan tre, giấy - Tết rơm, tóc, len	1, 2,3 4,5,6 7, 8,9	
8	- Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Xé, cắt thẳng được một đoạn 10 cm. + Xếp chồng được 8 - 10 khối không đổ. + Tự cài, cởi cúc.	- Sử dụng bút: Vẽ được hình tròn theo mẫu - Tô vẽ nguệch ngoạc - Sử dụng kéo bằng một tay - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xé dán giấy. - Xếp chồng được các hình khối khác nhau - Tự cài, cởi cúc...	2,3,4,5,6,7,8,9	
	3. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
9	- Trẻ biết nói tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh: Thịt, cá, trứng, sữa, rau…)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc của địa phương: thịt lợn, thịt bò, cá nướng, trứng, rau ngót...	1,2	
10	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày của địa phương: Trứng rán, cá nướng, cá kho	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày: Trứng rán, cá nướng, cá kho, thịt rim cà chua, thịt rim đậu, cá sốt cà chua...	5,6	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
11	- Trẻ biết ăn để lớn lên khỏe mạnh, và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Ich lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất: ăn nhiều các loại thức ăn khác nhau để lớn lên khỏe mạnh - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ăn mất vệ sinh bị ỉa chảy, ăn xong không đánh răng sẽ bị sâu răng, ăn ít bị suy dinh dưỡng, ăn nhiều chất béo đường sẽ bị béo phì …).	8,9	
12	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người khác: + Rửa tay, lau mặt, xúc miệng, + Tháo tất, cởi quần áo....	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt theo đúng các bước. - Tập rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước rửa tay. Rửa tay sau khi đi vệ sinh, trước khi ăn, khi tay bị bẩn - Tự tháo tất, cởi quần áo - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh..	1,3,4,8	
13	- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách	5,8	
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi, mời cô, không đùa nghịch.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe trong ăn uống + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	5,7	
15	-Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu + Nhận ra sự thay đổi của thời tiết, khí hậu, ứng phó với thiên tai...	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người vệ sinh răng miệng, đi dép, giày khi đi học. - Nhận ra sự thay đổi của thời tiết ,trang phục theo thời tiết: đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. - Nhận biết 1 sô biến đổi khí hậu: Có kỹ năng ứng phó khi có thiên tai: mưa phải ở trong nhà, dùng áo mưa, che ô.... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm ho, đau đầu, sốt nóng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: + Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp : Cháy, có bạn bị ngã, bị đau, chảy máu + Tránh 1 số trường hợp không an toàn :	2,5,8,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
		Khi bị người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi, ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn , cô giáo.		
16	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm ở địa bàn sinh sống khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng(dao, kéo, bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) nguy hiểm đến tính mạng.	2,3	
17	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm ở trên địa bàn sinh sống và lúc đi chơi (hồ, ao, bể chứa nước, hố vôi...) khi được nhắc nhở. Ứng xử đơn giản khi có thiên tai	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn tại địa phương và trường lớp, nguy hiểm đến tính mạng như: mương, ao, suối, cầu, hố vôi.... - Ứng xử đơn giản khi có thiên tai	7,8,9	
18	-Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. + Nhận biết một số tín hiệu, phương tiện báo động cháy + Biết được số điện thoại của bố hoặc mẹ khi bị lạc và biết nhờ người giúp đỡ.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. + Nhận biết tín hiệu, phương tiện báo động cháy, có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy. + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo lên bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn: dao, kéo, đinh, kim.... + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. +Nói được địa chỉ nơi ở (thôn xóm số điện thoại của bố hoặc mẹ, người thân và khi bị lạc biết gọi người lớn giúp đỡ	1,2,3,4,6	
	II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC ***1. Khám phá khoa học***			
19	- Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chú ý quan sát sự vật hiện tượng, hay đặt câu	- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. Quan tâm đến việc giữ gìn, bảo vệ nguồn nước - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày: nước giếng, nước máy, nước	6,8	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
	hỏi về đối tượng: Cây, con,...	mưa....		
20	- Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan Nhìn, nghe, ngửi sờ...và một số bộ phận khác của cơ thể. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	2,5,6	
21	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như: Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc: con gà, con chó, con cá, con voi.... - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc của địa phương: ổi, cà chua ,hoa hồng, hoa cúc, quả cam, quả bưởi... Lợi ích của thực vật đối với phòng chống thiên tai (giữ nước..)	5,6,8	
22	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo (cây,con, ánh sáng...)			
23	- Trẻ được làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu đối tượng. VD: Thả sỏi, cát vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	8	
24	- Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật: Đồ chơi, phương tiện giao thông...	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi... -Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc: xe đạp, xe máy, ô tô, công nông...	1,3,5,6,7	
25	- Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng khi được hỏi: Cây cối khí hậu, thiên tai...	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh; trái đất nóng lên và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Các loại thiên tai thường xẩy ra ở địa phương (sạt lở đất, động đất, lụt..; hậu quả và cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai)	5,6,8	
26	- Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	1,2,7	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
	các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.			
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
27	- Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Quan tâm đến số lượng và đếm: hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	4,6,7,8	
28	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng		
29	- Trẻ biết cách so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	1,4,6,8,9	
30	- Trẻ biết gộp và đếm 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm :	4,6,7, 9	
31	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	-Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
32	- Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	3,5	
33	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau	So sánh 2 đối tượng về kích thước:to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn, bằng nhau	3,5,7	
34	- Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép thành các hình vuông, tam giác, chữ nhật, bàn, ghế..	3,5,9	
35	- Trẻ biết sử dụng lời nói và h.động để chỉ vị trí của đối tượng trong kh gian so với bản thân.	-Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
	3) Khám phá xã hội			
36	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên, tuổi, giới tính của bản thân; (Bạn trai tóc ngắn, mặc quần áo. Bạn gái tóc dài buộc nơ, mặc váy, nhẹ nhàng..)	2	
37	- Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình (ông, bà, anh, chị, em)	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình (ông, bà, anh, chị, em)	3	
38	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình của bản thân bé khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. (thôn, đội, bản, xã..)	3	
39	- Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
40	- Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	-Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương: nghề nông, nghề xây dựng nghề mộc…	4	
41	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Một số lễ hội của địa phương: Ngày khai giảng, tết trung thu, lễ hội hoa ban, tết cổ truyền người tày, người thái...qua trò chuyện, tranh ảnh	1,4,6,7	
42	- Trẻ biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc - Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh của địa phương: khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ của xã Thanh Chăn, đồi a1, him lam, u va...	9	
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				
43	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản,VD:“ Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản: "Cháu hãy lấy ba lô và bỏ áo vào”, “ Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ” ...	1,2,3,6,7	
44	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả... - Trẻ biết nghe hiểu nội dung truyện kể, nghe bài hát, thơ…	-Hiểu các từ chỉ tên người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc Quần áo, đồ chơi, hoa, quả... -Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc của địa phương phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao đồng dao, tục ngữ, câu đố hò vè dân gian của địa phương...	1,3,4,5,6, 7,8,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
45	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng: nhà cháu có những ai?.....	2,3,4,5,8,9	
46	- Trẻ nói rõ các tiếng.	-Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	2,4,5	
47	- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	-Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, cấm đi ngược chiều…	4,7	
48	- Bước đầu trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng	7,8,9	
49	- Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim…	- Kể lại sự việc đơn giản như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim….	4,5,6,7	
50	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè... phù hợp với độ tuổi và địa phương nơi trẻ sống	1,2,3,4,5,67,8,9	
51	- Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	2,3,4,5,6,8	
52	- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	-Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	9	
53	- Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ, "Dạ", "Thưa" trong giao tiếp.	-Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép"Vâng ạ, "Dạ", "Thưa" trong giao tiếp.	1,2,4,8	
54	- Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	6,7,8,9	
55	- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở xem sách.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn sách không quăng ném, lật xem nhẹ nhàng - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện.	1,2,8,9	
56	- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhận vật trong tranh			
57	- Trẻ thích vẽ, "viết''	-Làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt:	8,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
	nguệch ngoạc	+ Hướng đọc , viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngát nghỉ sau các dấu. - Làm quen hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.		
	IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI.			
58	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (trai, gái) của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính (bạn trai, bạn gái.)	2	
59	` Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	2,4,5	
60	- Biết mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	6,7,8,9	
61	- Biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi.	1,3,6,7	
62	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2	
63	- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động	5,6,7,8,9	
64	- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, thể hiện tình cảm của trẻ với Bác Hồ. - Tình cảm của Bác đối với các cháu trong ngày tết thiếu nhi. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của địa phương: cánh đồng lúa, ruộng ngô, lễ hội hoa ban, tết cổ truyền, tết dân tộc Nùng.	9	
65	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Trẻ thích quan tâm tới cảnh đẹp, lễ hội			
66	- Trẻ thực hiện được một số quy định của lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ, chờ đến lượt	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). -Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Chờ đến lượt.	1,3	
67	- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép phù hợp với văn hóa của địa phương (chào hỏi, cảm ơn).	2,3	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
68	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Tập trung chú ý nghe khi cô, bạn nói.	1,4,6,7	
69	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn + Bình đẳng giới giữa bạn nam, bạn nữ trong khi chơi. + Cùng bạn chơi, hđ lao động tập thể -Chia sẻ với bạn và những người trong hoàn cảnh thiên tai.	1,2,3,4,5	
70	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Biết tiết kiệm nước	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. + Cách chăm sóc bảo vệ con vật khi chuẩn bị có thiên tai đến một cách đơn giản như: giữ ấm bằng cách thu gom rơm dạ, lá khô.... - Tiết kiệm điện, nước.	5,6,8	
71	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Giữ gìn bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên, cảnh giác với các hiện tượng thiên nhiên có thể xảy ra. - Nhận biết hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	1,8	
	V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
72	- Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi của địa phương - Ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật gần gũi ở địa phương.	4,5	
73	- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca đặc sắc của địa phương).	1,2,3,4,6, 8,9	
74	- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (mầu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (mầu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình.	6,7	
75	- Trẻ hát tự nhiên, hát	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát đặc	1,2,3,4,5,	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh
	được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	sắc của vùng miền.	67,8,9	
76	-Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo nhịp, phách..)	-Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ âm nhạc đặc sắc của dân tộc trên địa phương để gõ đệm theo phách, nhịp.	1,2,3,4,5, 67,8,9	
77	- Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Khuyến khích trẻ vận động nhẩy múa theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1,2,3, 6	
78	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	1,2,3,4	
79	- Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	-Sử dụng một số kĩ năng vẽ: nét thẳng, nét xiên ngang để tạo ra sản phẩm đơn giản.	5,6,7,8,9	
80	- Trẻ có kỹ năng cắt, xé theo dải, xé vụn, cắt vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	-Sử dụng một số kĩ năng cắt, xé dán: xé theo dải, xé vụn, cắt vụn và dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.	7,8,9	
81	- Biết lăn dọc, ấn dẹt đất nặn để nặn thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kĩ năng nặn: lăn dọc, ấn bẹt,xoay tròn tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2,3,4,5, 6,8,9	
82	- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kĩ năng xếp hình: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo ra sản phẩm đơn giản.	5,7,9	
83	-Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	1,2,3,4,5, 67,8,9	
84	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	5,8	
85	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,9	

* Kế hoạch khối mẫu giáo 4-5 tuổi

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT				
a. Chiều cao cân nặng				
	- Trẻ khỏe mạnh cân nặng và chiều cao phát triển bình thường	- Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: đạt 14,1 - 24,2 kg		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
1	theo lứa tuổi.	+ Trẻ gái: đạt 13,7 - 24,9 kg. - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: đạt 100,7-119,2 cm. + Trẻ gái: đạt 99,9 – 118,9 cm	9	
b. Phát triển vận động				
2	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác (hô hấp, tay, lưng, bụng, lườn, chân...) trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: hít vào thở ra; thổi lá cây, dải lụa, sợi len, máy bay, thổi bóng.... - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Đưa ra trước, gập khuỷu tay. + Đưa hai tay ra phía trước, sau vỗ 2 tay vào nhau + Đưa hai tay ra trước, về phía sau. + Đánh xoay tròn hai vai + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải + Đứng cúi người về trước. + Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau + Ngồi, quay người sang hai bên - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối + Đứng nhún chân, khuỵu gối. + Đứng một chân đưa lên trước, khuỵu gối + Đứng một chân nâng cao gập gối + Bật tại chỗ + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng + Bật lên trước, ra sau, sang bên.	1->9	
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động				
3	– Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	+ Đi bằng gót chân + Đi trên ghế thể dục. + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi lùi liên tiếp khoảng 3 m. + Đi khuỵu gối + Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát	1,2,3,5,6	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
	+ Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối....			
4	– Trẻ biết kiểm soát được vận động: + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc). + Chạy chậm, chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Đi theo đường dích dắc + Chạy thay đổi tộc độ theo hiệu lệnh + Chạy theo đường dích dắc + Chạy 15m trong khoảng 10 - 12 giây. + Chạy chậm 60-80m	4,7,8,9	
5	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: +Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng hai tay + Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Ném trúng đích ngang(xa 2m). + Ném xa bằng 1,2 tay + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp + Chuyền bóng qua đầu qua chân	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng hai tay + Tung bắt bóng với người đối diện + Ném xa bằng 1 tay + Ném xa bằng 2 tay + Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,2- 1,5m x cao 1,2m) + Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay + Đập và bắt bóng tại chỗ + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân	1,3,4,5,6, 7,8, 9	
6	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: (Bò, trườn, trèo, bật, nhảy...) + Bò trong đường dích dắc (3 -4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. + Bò bằng bàn tay bàn chân + Trườn the hướng thẳng , chui qua cổng + Trèo qua ghế dài, lên gióng thang + Bật liên tục, bật xa, bật tách khép chân... + Nhảy lò cò	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m + Bò dích dắc qua 3 - 5 điểm + Bò thấp chui qua cổng + Trườn chui qua cổng + Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m + Trườn theo hướng thẳng + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35 - 40cm + Bật tách khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản cao 10 -15cm + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm + Trèo lên, xuống 5 gióng thang + Bật – nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35cm) + Nhảy lò cò 3m	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
7	- Trẻ biết thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập, mở, các ngón tay	- Hai tay vo, xoắn, xoáy, vặn vào nhau - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay để búng ngón tay, vê ngón tay, véo đất nặn.	1,2,3	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
		- Hai tay vuốt, miết giấy. - Dùng tay ấn bàn tay, ngón tay trên cát, mầu.... - Hai tay gắn và nối các nút nhựa với nhau		
8	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: +Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. +Biết tết sợi đôi. +Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Tô, vẽ hình - Xé giấy vụn, xé theo đường thẳng - Cắt theo đường thẳng - Gập giấy - Lắp ghép hình - Tết sợi đôi: tết tóc, tết len, tết rơm, lá khô... - Cài, cởi cúc áo, kéo khóa áo - Xâu vòng, hoa, lá, quả , con vật - Buộc dây nơ, giây giầy...	1- >9	
c. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.				
9	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm : + Thịt, cá, trứng, sữa...có nhiều chất đạm. + Rau, củ, quả chín có nhiều vitamin + Nhóm chất béo: mỡ, lạc vừng, bơ.. + Nhóm bột đường: gạo, ngô, khoai sắn...	- Nhận biết 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm mang đặc trưng riêng của địa phương: + Có nhiều chất đạm: thịt bò, cá nướng, trứng, sữa.... + Thực phẩm nhiều vitamin: Rau ngót, rau muống, quả chuối, cam canh, bưởi diễn.. + Nhóm chất béo: mỡ, lạc vừng, bơ.. + Nhóm bột đường: gạo, ngô, khoai sắn...	2	
10	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Cá nướng, cơm lam, rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, gạo nấu cơm, nấu cháo....	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của 1 số thực phẩm, món ăn của địa phương: Cá nướng, cơm lam, xôi tím, canh cua, canh bon...	2	
11	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ chất, đủ lượng; - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ăn mất vệ sinh, ăn quả xanh bị ỉa chảy, ăn nhiều bánh kẹo không đánh răng sẽ bị sâu răng, ăn ít ăn không đủ chất sẽ bị suy dinh dưỡng, ăn nhiều chất béo sẽ bị béo phì...)	3,6,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
12	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo đúng 6 bước quy trình rửa tay. - Tự thay quần, áo khi thời tiết thay đổi, khi bị bẩn... - Tự giác có ý thức lau mặt, đánh răng sau khi ngủ dạy.	1,2,3	
13	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	2	
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau… + Không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe + Trước khi ăn mời cô, mời bạn; khi ăn ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau… + Không uống nước lã	1, 3,4	
15	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người: Vệ sinh răng miệng... - Nhận ra sự thay đổi của thời tiết, lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết: mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đội mũ khi ra nắng, đi dép giầy khi đi học… - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Bảo vệ sức khỏe khi có thời tiết thay đổi. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. (nhà vệ sinh nam, nhà vệ sinh nữ) - Bỏ rác đúng nơi qui định	6, 8,9	
16	- Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp củi, bếp ga, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: Phích nước nóng, bếp củi, bếp ga, dao, kéo....	3,4,5	
17	- Trẻ biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, sông, suối…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng: hồ, ao, mương nước, sông, suối, bể chứa nước…	5,7,8	
	- Trẻ biết một số hành động	- Nhận biết và phòng tránh những		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
18	nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Trẻ có ý thức không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Trẻ biết thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Trẻ biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	hành động nguy hiểm đến tính mạng: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. Không theo và nhận quà của người lạ + Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ.	1,3,6,7	
19	- Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ + Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ thôn, bản, đội gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	3,9	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a. Khám phá khoa học				
20	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây lại ướt? "	- Các nguồn nước trong môi trường sống: Nước giếng khoan, nước sạch, nước mưa... - Ích lợi của nước đối với con người, con vật, cây cối... Bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, sự biến đổi của thời tiết và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người: Biến đổi khí hậu nắng nóng kéo dài; Rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến con người và sự vật, một số thiên tai xảy ra ở địa phương: lũ lụt, mưa đá, động đất, giông sét. - Cách ứng phó đơn giản với một số hiện tượng BĐKH ở địa phương: lũ	5,6,7,8	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
		lụt, mưa đá, động đất, giông sét. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi. - Đặc điểm công dụng của 1 số phương tiện giao thông quen thuộc: Xe máy, xe đạp. xe ô tô, công nông... - Đặc điểm bên ngoài, ích lợi, tác hại của con vật gần gũi, quen thuộc: Con chó, con mèo, con gà, con trâu, con lợn... - Đặc điểm bên ngoài ích lợi của các loại cây bưởi diễn, cây cam, hoa, quả ở địa phương +Ảnh hưởng của thiên tai đến thực vật (sâu bệnh, dập nát...)		
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây.	2,8	
22	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán: VD: pha màu, đường, muối vào nước... dự đoán, so sánh..	- Làm thí nghiệm: pha màu, đường, muối vào nước (Chất hòa tan không hòa tan), vật nổi vật chìm... dự đoán, so sánh..	8	
23	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	4,9	
24	- Trẻ biết phân loại các đối tượng (cây, hoa, quả, con vật, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông...) theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.	1,3,5,6,7	
25	- Trẻ biết nhận xét một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi: (Mưa đá, động đất, gió lốc, hạn hán…) VD: Cho thêm đường/ muối nước ngọt và mặn hơn	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống Nguyên nhân và tác hại của một số thiên tai xảy ra ở địa phương: + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với động vật (Ô nhiễm, thiếu nước, dịch bệnh) - Quan sát, phán đoán mối liên hệ	5,6,7,8	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
		đơn giản giữa cây với môi trường sống + Ảnh hưởng của thiên tai đến thực vật và ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai. - Hiện tượng nắng, mưa, mưa đá, sấm sét, gió... - Các thiên tai thường xẩy ra ở địa phương: sạt lở đất, động đất, lụt. + Ảnh hưởng của thiên tai tới đời sống con người: ách tắc giao thông, ô nhiễm nguồn nước... - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc		
26	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối. + Cách chăm sóc bảo vệ con vật khi chuẩn bị có thiên tai + Ảnh hưởng của BDKH và thiên tai đến động vật: dịch bệnh, thiếu nước, ô nhiễm môi trường... - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	5,6,8	
27	- Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát (cây, hoa, quả, con vật, đồ dùng đồ chơi, ngày và đêm...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 loại cây (hoa, quả.) - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,3,5,6,8	
28	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. + Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh...). + Hát các bài hát chủ đề + Vẽ, xé, dán, nặn các con vật, cây, đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	4,7,9	
	b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh hỏi: " bao nhiêu", " là số mấy"	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
30	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10		1, 2,4, 5, 7, 8, 9	
31	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn..			
32	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm	1,3,4,6	
33	- Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	1,3,4,6	
34	- Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	1,2,4,5	
35	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe...)	3, 7, 9	
36	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc	6	
37	- Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo	6,8	
38	- Trẻ biết chỉ ra các đặc điểm giống nhau, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	3	
39	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chép ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	7	
40	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước- phía sau; phía trên -phía dưới; phía phải-phía trái)	2,5	
41	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8	
c. Khám phá xã hội				
42	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính (bạn trai, bạn gái) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính (bạn trai, bạn gái) đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân mình. (Bạn trai tóc ngắn, mặc quần. Bạn gái tóc dài, mặc váy...)	2	
43	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên (ông, bà, anh, chị, em) trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Họ tên (ông, bà, anh, chị, em), công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình (đi chơi, cùng ăn các món ăn, đi ngủ...), địa chỉ (thôn, xóm/ làng,	3	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
		bản/xã, huyện) gia đình.		
44	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (thôn, xóm, đội, bản) khi được hỏi trò chuyện	- Địa chỉ gia đình (thôn, xóm, đội, bản)	3	
45	- Trẻ nói được tên và địa chỉ (thuộc thôn, bản, xã, huyện, tỉnh), của trường, lớp (thuộc bản, xã) khi được hỏi, trò chuyện	- Tên địa chỉ của trường (thuộc bản, xã, huyện, tỉnh), lớp (thuộc thôn, bản, xã) . tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường	1	
46	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các bác ở trường	1	
47	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm (béo, gầy, cao, thấp, trang phục dân tộc: Thái, tày...) của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm (béo, gầy, cao, thấp, trang phục dân tộc: Thái, tày...) của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
48	- Trẻ biết kể tên, công việc, sản phẩm/lợi ích... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: + Một số nghề có vai trò tham gia vào công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH: Công nhân vệ sinh môi trường, dự báo thời tiết... + Mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường(khai thác rừng gỗ, nước thải khí thải của các ngành... là nguyễn nhân ô nhiễm môi trường)	4	
49	- Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương	- Đặc điểm nổi bật, ý nghĩa các ngày lễ hội: lễ hội hoa ban, tết cổ truyền, tết trung thu, tết thiếu nhi, 20/11, 8/3 , 22/12, 7/5, 19/5	1,4,6,7,9	
50	- Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử (khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ của xã, Đồi A1, Hầm Đờ cát, nghĩa trang, uva, Him lam...)ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước: khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ của xã, Đồi A1, Hầm Đờ cát, nghĩa trang, Him lam..	9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
51	- Trẻ thực hiện được 2,3 yêu cầu liên tiếp, VD: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu.	1,4,7	
52	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.... + Trẻ biết nghe và nhận diện, nhận biết được được một số từ	- Hiểu một số từ khái quát chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm đơn giản, gần gũi với trẻ	1,2,3,5,6	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
	chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh. + Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 5, một số từ, cụm từ đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương + Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ bằng tiếng anh + Nghe số từ 1 đến 5		
53	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	2,6,9	
54	- Trẻ biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được. + Trẻ nhắc lại được, gọi tên được đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh + Hát theo, hát được một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ; + Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ và cụm từ trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng anh	2-9	
55	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?" ; "Cái gì?" ; "Ở đâu?" ; "Khi nào?", "Để làm gì?"	4	
56	- Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng đinh, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép.	5	
57	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	7,9	
58	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao....	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với độ tuổi và địa phương của trẻ	1-9	
59	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại chuyện đã được nghe	4,8	
60	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch dưới sự hướng dẫn của cô	5	
61	- Trẻ biết sử dụng các từ như: "Mời cô", "Mời bạn", " Cảm ơn", " Xin lỗi"..trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp phù hợp với văn hóa địa phương.	3	
62	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ,	4	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
	với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
63	- Trẻ biết chọn sách để xem + Trẻ biết xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo vệ sách, cất gọn sách đúng nơi quy định + Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh.	3,4,5,6,7, 8,9	
64	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh ảnh	2, 8	
65	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh, đọc sách theo tranh minh họa	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	3,4,5,6,7, 8,9	
66	- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống phù hợp với địa phương: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường tại địa phương (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, biển giảm tốc độ...)	1,2,7	
67	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "Viết ": Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng, tập tô đồ và nhận dạng 1 số chữ cái (o,ô,ơ,a,ă,â,i,t,c,e,ê,u,ư...)	- Nhận dạng 1 số chữ cái - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	3,4,5,6,7, 8,9	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội:				
68	- Trẻ biết nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân - Tên bố, tên mẹ	2,3	
69	- Trẻ biết nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân	2	
70	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	- Rèn luyện sự mạnh dạn, tự tin, tính tự lực: Tự biết chọn đồ chơi và trò chơi mình thích, chơi xong cất đúng nơi quy định	3,4,5	
71	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trực nhật, dọn đồ chơi)	- Cố gắng thực hiện và hoàn thành những yêu cầu của lớp, trường, nhiệm vụ của cô giáo giao + Bình đẳng giới trong mọi hoạt động trong lớp.	2,8	
72	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận,	2	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
	nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh..	ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.		
73	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp với cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ , nặn, xếp hình	2,4	
74	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ, tình cảm của bác dành cho các cháu thiếu nhi, 5 điều Bác Hồ dạy - Nhận ra hình ảnh Bác qua tranh truyện, bài thơ, bài hát, vi deo, biết lăng Bác Hồ - Hát và vận động các bài hát về Bác Hồ Đọc các bài thơ về Bác Hồ	9	
75	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
76	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của địa phương: Lễ hội hoa ban, tết cổ truyền... - Yêu quý các giá trị văn hóa đặc trưng của địa phương (trang phục, lễ hội, ẩm thực..)	6,9	
77	- Trẻ biết thực hiện một số nội quy ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ...	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,7,3	
78	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép phù hợp với văn hóa của địa phương	3,7,9	
79	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác	8	
80	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác	4	
81	- Trẻ biết trao đổi, thảo thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn - Chia sẻ với bạn và những bạn có hoàn cảnh khó khăn, bị thiên tai…	1,4	
82	- Trẻ biết thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối - Chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối khi chuẩn bị có thiên tai	5,6	
83	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh giác với các hiện tượng thiên nhiên có thể xảy ra.	1,2,5,7,8	
84	- Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa	- Phân biệt hành vi "đúng"- "sai", " Tốt" - "Xấu"	1,6	
85	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra	- Tiết kiệm điện, nước.	6,8	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
	khỏi phòng			
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mĩ				
86	- Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc của địa phương: - Ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật của địa phương: Khăn piêu, quả còn...	1,4,6	
87	- Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (Hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện đặc sắc của địa phương	1-9	
88	- Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng..) của các tác phẩm tạo hình	Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng..) của các tác phẩm tạo hình	2	
89	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm đúng với vùng miền	1-9	
90	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức(Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ âm nhạc của dân tộc gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1-9	
91	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyện vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	2,3,4,5,6, 78,9	
92	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kĩ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	1,3,4, 5, 6,7,8	
93	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục	- Sử dụng các kĩ năng xé, cắt dán theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục	4,5,6,7,8, 9	
94	- Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng các kĩ năng làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	1,2,4,5,6, 7	
95	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét	6	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh, bổ sung
		khác nhau		
96	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.	1-9	
97	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	5,9	
98	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	6,7,8	
99	- Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	5,7,8	
100	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	8,9	

* Kế hoạch khối mẫu giáo 5-6 tuổi

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a) Chiều cao cân nặng				
1	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: 16,0 – 26,6kg + Trẻ gái: 15,0 – 26,2kg - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: 106,4 – 125,8cm + Trẻ gái: 104,8 – 124,5cm	9	
b, Phát triển vận động				
2	- Trẻ có thể thực hiện đúng thuần thục các động tác: Hô hấp; Tay; Lưng bụng lườn; chân của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: hít vào thở ra thổi nơ, thổi bóng.... - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên Kết hợp với vẫy bàn tay, kiễng chân + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên Kết hợp quay cổ tay. + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra phía trước, sang ngang + Co và ruỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. + Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Đánh chéo hai tay ra trước, sau + Luân phiên từng tay đưa lên cao - Lưng bụng lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau kết hợp tay đưa lên cao, chân bước sang phải, sang trái.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, sang phải kết hợp hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái + Nghiêng người sang 2 bên, kêt hợp tay chống hông, chân bươc sang phải, sang trái. + Đứng cúi người về trước Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang, +Nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về phía sau + Khuyụ gối + Đưa chân ra các phía + Nâng cao chân gập gối + Bật về các phía + Bật đưa chân sang ngang.		
3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyụ gối, đi trên dây, đi nối bàn chân tiến, lùi… + Đi lên, xuống ván kê dốc (Dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng 1 chân và giữ thảng tron vòng 10 giây.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân. - Đi khụyu gối. - Đi trên dây(Đặt dây trên sàn) - Đi lên, xuống trên ván dốc(dài 2m, rộng 0,3m)... - Đi nối bàn chân tiến, lùi - Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Nhảy lò cò 5m.	1,2,4, 6,7,8	
4	- Trẻ có thể kiểm soát vận động: Đi, Chạy… + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh, dích dắc… (Đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng (dích dắc) theo hiệu lệnh - Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy chậm 100 - 120m - Chạy 18m trong 10 giây	3,4,5, 6,8,9	
5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện các bài tập tổng hợp: Bò, trườn, trèo… + Bò vòng qua 5 - 7 điểm dích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 gióng thang	1,2,3, 4,5,6, 8	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
6	- Trẻ biết phối hợp tay mắt trong các vận động: Đi, ném, bắt, tung, đập, chuyền … + Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) + Ném trúng đích đứng (xa 2m cao 1,5m) + Đi, đập, bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng hai tay. - Bắt và ném bóng với người đối diện từ khoảng cách 4m. - Ném trúng đích đứng xa (2m cao 1,5m) bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng bằng hai tay - Ném trúng đích ngang bằng 1tay . - Ném trúng đích ngang bằng 2tay. - Đi, đập và bắt bóng nảy 4 -5 lần liên tiếp. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung,đập bắt bóng tại chỗ. - Chuyền , bắt bóng qua đầu, qua chân.	1,2,4, 5,6,7, 8,9	
7	- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm , bật liên tục, bật nhảy, bật qua vật cản, bật tách khép chân…	- Bật xa 40-50cm. - Bật liên tục vào vòng. - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 – 45 cm. - Bật qua vật cản 15- 20 cm. - Bật tách khép chân qua 7 ô.	1,3,4, 5,6,8, 9	
8	- Trẻ biết thực hiện được các vận động. + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay . + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: + Uốn ngón tay, bàn tay + Xoay cổ tay + Gập mở lần lượt từng ngón tay	1,3,5.	
9	- Trẻ có thể thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình, tô đồ và sao chép các chữ cái, chữ số + Xé,cắt đường vòng cung, theo đường viền hình vẽ + Xếp chồng 12 đến 15 khối theo mẫu + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu + Tự cài, cởi cúc, xâu luồn dây giày, cài quai dép, kéo khóa… + Lắp giáp,Ghép hình; Bẻ, nắn	- Tô, đồ theo nét - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số - Xé,cắt đường vòng cung, theo đường viền hình vẽ - Lắp giáp - Ghép hình - Bẻ, nắn - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, kéo khóa áo, dây giầy, ba lô … - Xâu luồn dây giầy, dây áo, buộc dây. - Cài quay dép	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
C. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe				
10	- Trẻ biết lựa chọn một số thực	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	phẩm khi được gọi tên, nhóm. + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá…. + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả…. + Thực phẩm giầu chất béo: + Thực phẩm giầu chất bột đường: Gạo, ngô...	thông thường theo 4 nhóm thực phẩm + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá…. + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả…. + Thực phẩm giầu chất béo + Thực phẩm giầu chất bột đường	2,5,6	
11	- Trẻ biết nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, dán, kho; Gạo nấu cơm, cháo…..	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn của địa phương: Cá nướng, rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, dán, kho; Gạo nấu cơm, cháo…..	2,9	
12	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi ích cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ăn mất vệ sinh, ăn quả xanh bị ỉa chảy, ăn nhiều bánh kẹo không đánh răng sẽ bị sâu răng, ăn ít ăn không đủ chất sẽ bị suy dinh dưỡng, ăn nhiều chất béo sẽ bị béo phì...)	3,4	
13	- Trẻ biết thực hiện một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng + Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội nước cho sạch	- Tập luyện kỹ năng; Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước - Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách đi xong giội nước cho sạch	1,2,8	
14	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn, uống thành thạo	- Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.	3,9	
15	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	-Tập luyện một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	1,5,6, 7	
16	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	bệnh: + Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi ốm đau, chảy máu hoặc sốt… + Che miệng khi ho, hắt hơi + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	con người.Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi: Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. Ra nắng đội mũ... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Nguyên nhân và cách phòng tránh. Nói với người lớn khi ốm đau, chảy máu hoặc sốt… . - Lấy tay che miệng khi hắt hơi, ngáp. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định -Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	2,4,5, 7,8,9.	
17	- Trẻ biết ấm nước điện, bàn là, bếp điện bếp củi, bếp ga, phích nước nóng….là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghích các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: ấm nước điện, bàn là, bếp điện bếp củi, bếp ga, phích nước nóng, dao, kéo...	4,6	
18	- Trẻ biết những nơi như: Ao, mương, sông suối, hố vôi bể chứa nước, giếng, bụi râm….là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn:Ao, mương, sông suối, hố vôi bể chứa nước, giếng, bụi rậm….	8,9	
19	- Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc…. + Không tự ý uống thuốc + Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượi bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe + Tránh nguồn lửa và một số sự cố có thể gây ra cháy nổ. .	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: +Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc…. + Không tự ý uống thuốc + Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượi bia, cà phê , hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe . + Biết cách phòng tránh nguồn lửa và một số sự cố có thể gây ra cháy nổ.	3,5,9	
20	Biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp nhờ người giúp đỡ. + Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	+ Trẻ biết gọi lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Trẻ biết một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ, nơi ở , số điện thợi gia đình, người thân khi bị lạc, biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Nói được địa chỉ nơi ở(thôn, xóm, đội), số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ	3,6,8	
21	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi... Không đi theo người lạ rủ… + Đi bộ trên vỉa hè: Đi sang đường phải có người lớn dắt: Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công tường rào.	- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi ... Không đi theo người lạ rủ, kêu người lớn khi bị ép đi hoặc mách người lớn khi có sự việc đó xảy ra với bạn. – Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	1,6,7	
2. Lĩnh vực nhận thức.				
a, Khám phá khoa học				
22	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem sét: lá, hoa, quả…và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2	
23	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
		cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. Ảnh hưởng của PTGT đối với môi trường, không khí, sức khỏe - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả nổi bật của địa phương (Bưởi, ổi,cà chua…) - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệcon vật, cây: + Cách chăm sóc bảo vệ con vật khi chuẩn bị có thiên tai. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối khi chuẩn bị có thiên tai. + Ảnh hưởng của BĐKH và thiên tai đến động vật: dịch bệnh,thiếu nước,ô nhiễm môi trường.	1,3,5, 6,7	
24	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Qúa trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây của địa phương. - Qúa trình phát triển con vật; điều kiện sống của một số con vật nổi bật của địa phương. - Giải thích nguyên nhân một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Cách ứng phó đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao phải làm vậy.	5,6,8	
25	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			
26	- Trẻ biết phân loại các đối tượng: Đồ dùng đồ chơi, cây hoa, con vật, PTGT theo những dấu hiệu khác nhau	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu.	1,3,5, 6,7	
27	- Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. VD: " Nắp cốc có những giọt	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. + Ảnh hưởng của BDKH và thiên tai đối với động vật (ô nhiễm, thiếu nước, dịch		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	nước do nước bốc hơi”	bệnh...) - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giảm giữa cây với môi trường sống. + Ảnh hưởng của thiên tai đến thực vật và ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai - Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động PTGT	5,6, 7	
28	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.			
29	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.			
30	- Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quang như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “ Tại sao có mưa…”	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi bất thường của thời tiết + Sự nóng lên của trái đất - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng . - Các nguồn nước trong môi trường sống: Nước sạch, mưa, giếng khoan… - Ích lợi của nước trong môi trường sống con người, con vật và cây. Bảo vệ nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	8	
31	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ….	Thể hiện qua nội dung hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	2,4,5, 7,9	
b. Làm quen với toán				
32	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm:“Bao nhiêu?”,“Đây là mấy”		1,3,4, 6,8	
33	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
34	- Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	năng.		
35	- Trẻ biết nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
36	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	2,4,5, 7,9	
37	- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.			
38	- Trẻ biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe…).	3,7	
39	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	9	
40	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp (Mẫu) và sao chép lại	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	4	
41	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp	4	
42	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo,	3,6,8	
43	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật; Chắp ghép, tạo một số hình …	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	5,7	
44	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau ; phía trên – phía dưới ; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2,6	
45	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	trong tuần, các mùa trong năm	- Gọi tên các thứ trong tuần.	8	
c. Khám phá xã hội				
46	- Trẻ có thể nói đúng họ tên ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2	
47	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ ; sở thích của các thành viên trong gia đình ; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình - Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ moi trường, hạn chế BDKH	3	
48	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (thôn xóm đội bản), số điện thoại (nếu có)……khi được hỏi, trò chuyện.			
49	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả được một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non + bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường	1	
50	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.	1	
51	- Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Đặc điểm, sở thích của các bạn ; các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
52	- Trẻ biết nói đặc điểm và khác nhau của một số nghề. VD: Nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, Nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới…."	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Một số nghề có vai trò tham gia công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với BDKH: công nhân vệ sinh môi trường, dự báo thời tiết... + Mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường	4	
53	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động của một số lễ hội. VD Nói: "Ngày quốc khánh (Ngày 2/9), cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên.."	- Đặc điểm nổi bật của một số lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: lễ hội hoa ban, tết nguyễn đán, ngày hội bé đến trường, tết thiếu nhi…	1, 4, 6, 7, 9	
54	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của	9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	quê hương, đất nước: Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ của xã, Đồi A1, Him Lam…		
3. Lĩnh vực ngôn ngữ				
55	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập…) + Trẻ có thể nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh + Trẻ có thể nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. Đồ dùng học tập, đồ dùng trong gia đình, động vật, thực vật, phương tiện giao thông + Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ bằng tiếng Anh + Nghe số từ 1 đến 10; chữ cái bằng tiếng Anh	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
56	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: " Các bạn có tên bằng chữ cái t đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái h đứng sang bê trái"	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
57	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	2,6	
58	- Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. + Trẻ có thể nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh + Trẻ có thể hát theo, hát được một số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu và phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể lại sự việc theo trình tự. + Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; + Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh + Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
59	- Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh…	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	7,8	
60	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…..phù hợp với ngữ cảnh.	-Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân , so sánh: "Tại sao"; " Có gì giống nhau?"; " Có gì khác nhau?"; " Do đâu mà có" - Đặt các câu hỏi: " Tại sao?"; " Như thế nào?"; " Làm bằng gì?".	7,9	
61	Sử dụng các từ: "Cảm ơn"; "Xin lỗi";"Xin phép"; " Thưa"; " Dạ"; "Vâng"….Phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	1,4	
62	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái….của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5,8	
63	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh			
64	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ đồng dao, ca dao…	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao,tục ngữ, hò vè dân gian của địa phương	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
65	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vậy, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện….trong nội dung chuyện	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	6,9	
66	- Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	9	
67	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong chuyện.	- Đóng kịch	5,9	
68	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông….	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ…..)	1,7,8	
69	- Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
70	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép mộ số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
71	- Trẻ biết chọn sách để " Đọc"	- Xem và nghe đọc các loại sách khác	6,7,8,	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	và xem. + Trẻ có thể xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh.	nhau. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ + Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh.	9	
72	- Trẻ biết cách "đọc sách" Từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ rái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: Đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách. Cất sách gọn gàng đúng nơi quy định.	3,4,6	
4. Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội				
73	- Trẻ nói được họ tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được thông tin của bản thân, những người gần gũi phù hợp với văn hóa địa phương (tên tuổi, giới tính, công việc, cách xưng hô...).	3	
74	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc bé không làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	2,5	
75	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2	
76	- Trẻ biết mình là con/ cháu/anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	2,3	
77	-Trẻ biết vâng lời, giúp bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.			
78	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hàng ngày(Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi…..)	- Thực hiện công việc được giao(Trực nhật, xếp dọn đồ chơi…..)	4,5	
79	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	4,8	
80	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2,9	
81	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui,	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên xấu hổ.	cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	6	
82	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	3	
83	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(chỗ ở, nơi làm việc....)	- Kính yêu Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh, truyện, video - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ,cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Năm điều Bác Hồ dạy - Biết lăng Bác Hồ	1, 9	
84	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ,cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
85	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, lệ hội của quê hương.Yêu quý các giá trị văn hóa đăn trưng của địa phương(trang phục, lễ hội...)	9	
86	- Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình nơi công cộng (Đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, ngủ; Đi bên phải lề đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,3	
87	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Kỹ năng giao tiếp, ứng sử phù hợp với văn hóa nơi trẻ sống (lời nói cử chỉ, lễ phép lịch sự...) - Có hành vi phù hợp với văn hóa, phong tục tập quán của địa phương như: chào hỏi, giúp đỡ người khác..	4,7	
88	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.	4,7	
89	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	7,9	
90	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn. + Bình đẳng giới giữa bạn nam, bạn nữ trong hoạt động ở lớp, ở trường	1,6	
91	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận biết và bày tỏ thái độ với hành vi "Đúng" - " Sai", " Tốt"-" Xấu".	1,5,8	
92	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật. - Bảo vệ, chăm sóc cây cối	5,6	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
93	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	7	
94	- Trẻ biết biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa.....)	- Có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xẩy ra	6	
95	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	-Tiết kiệm điện, nước: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng	8	
5. Lĩnh vực thẩm thẩm mĩ				
96	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, lễ hội của địa phương	1,5,9	
97	- Trẻ biết thích thú và ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục....) các tác phẩm tạo hình.			
98	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác mình họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau " Nhạc thiếu nhi,dân ca, nhạc cổ điển" - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	2,3	
99	- Trẻ biết hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ….	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
100	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các tiết tấu, múa).	- Vận đông nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát dân ca, điệu nhẩy múa đặc sắc của dân tộc thái,tày,nùng. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phác, nhịp, tiết tấu.(Nhanh, chậm, phối hợp)	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
101	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật	- Khuyến khích lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong	7,8	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	TH trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
	liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.		
102	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
103	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	4,6,7, 8,9	
104	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	2,4,5, 6,8	
105	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	4,9	
106	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
107	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	-Khuyến khích trẻ sáng tạo các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	7,8	
108	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Khuyến khích đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn)	9	
109	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý thưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu có sẵn ở địa phương để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	5,6	
110	- Trẻ biết đặt tên các sản phẩm tạo hình .	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8,9	

Thanh Chăn, 29 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký duyệt)

Phan Thị Hoa